TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 01 /2023/KDTM-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Nguyễn Đình Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền- Kiểm sát Viên.

Trong ngày 14/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 21/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:23/2023/QĐDS – ST, ngày 27/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:25/2023/QĐ-HPT, ngày 10/4/2023,giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu Điện L.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaihodings, số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N - Giám đốc ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh tỉnh, Nghệ An

- Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành S – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh tỉnh, Nghệ An- Phòng giao dịch Nghĩa Đàn – Địa chỉ: khối Tân Tiến, thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- Bị đơn: +/Ông Nguyễn Trọng H - sinh ngày 18/10/1978 (Chồng).

+/ Bà Đặng Thị T, sinh ngày 03/02/1982 (vợ)

Đều cư trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Căn cứ vào Giấy đề nghị xin vay vốn của khách hàng là vợ chồng ông Nguyễn Trong H, Bà Đặng Thị T Đều cư trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Ngày 19/5/2022 Ông H, Bà T đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Bưu Điện L, tại phòng giao dịch huyện N, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An số tiền gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số: HĐTD24D2022103 ngày 19/5/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/5/2023, với thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 23/5/2022 đến ngày 23/11/2022, Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC24D2022104 ngày 19/5/2022 được hai bên ký kết tại Văn phòng công chứng Lang Văn T; Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Trọng H và Bà Đặng Thị T nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DC785648, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An, diện tích sử dụng là 454, 3m^2 được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/6/2021, theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1466 ngày 07/4/2022. Bên cho vay, bên vay thỏa thuận với nhau được ghi trong hợp đồng tín dụng như sau: Lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh lãi suất theo qui định 03 tháng 1 lần; lãi suất quá hạn được hai bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện việc vay vốn thì Ông Nguyễn Trọng H và Bà Đặng Thị T đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả tiền gốc, tiền lãi vay đúng thời hạn. Tiền lãi trong hạn Ông H và Bà T mới thanh toán được 31.068.493 đồng (tiền lãi được tính trên 126 ngày, số ngày được tính từ ngày 23/5/2022 đến ngày 25/09/2022), với công thức tính cụ thể như sau: 1.000.000.000 (đồng) x 9% : 365 (ngày) x 126 (ngày) = 31.068.493 (đồng); Số tiền lãi trong hạn Ông H và Bà T đang còn nợ chưa thanh toán là 14.301.370 đồng (tiền lãi được tính trên 58 ngày, số ngày được tính từ ngày 26/09/2022 đến ngày 23/11/2022) với công thức tính cụ thể là: 1.000.000.000 (đồng) x 9% : 365 (ngày) x 58 (ngày) = 14.301.370 (đồng). Từ ngày 24/11/2022 khoản nợ gốc chưa thanh toán sẽ chuyển thành nợ quá hạn với lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, số ngày quá hạn nợ gốc thực tế của Ông H và Bà T được tính từ ngày 24/11/2022 đến ngày 14/04/2023 là 142 ngày, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán tính đến ngày 14/04/2023 (ngày xét xử) là: 142 ngày (1.000.000.000 (đồng) x 9% x 150% : 365 (ngày) x 142 (ngày) = 52.520.548 (đồng). Số tiền lãi phạt chậm trả tính từ ngày 24/11/2022 đến ngày 14/04/2023 là 142 ngày với số tiền là 556.382 đồng,được tính trên dư nợ lãi trong hạn: 14.301.370 (đồng) x 10% x 142 : 365 (ngày) = 556.382 đồng.

Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt yêu cầu Ông H Bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.301.370 đồng, lãi quá hạn là 52.520.548 đồng, tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 14/04/2023 là 1.066.821.918 đồng và tiền lãi chậm trả lãi số tiền 556.382 đồng đồng.Tại phiên tòa đại

diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Bưu Điện L rút yêu cầu buộc ông T, bà H thanh toán tiền lãi chậm trả lãi số tiền 556.382 đồng.

Trong trường hợp vợ chồng Ông H, Bà T không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện L - Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch N thì yêu cầu Tòa án, tuyên bố Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ, thì đề nghị Tòa án buộc vợ chồng Ông H, Bà T tiếp tục có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại.

Quá trình thụ lý, viết bản tự khai và hòa giải quyết vụ án bị đơn Ông H, Bà T trình bày và thừa nhận do có nhu cầu vay vốn kinh doanh nên ngày 19/5/2022 đã ký kết hợp đồng tín dụng, ký kế hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay của Ngân hàng TMCP Bưu Điện L - Chi nhánh tỉnh Nghệ An, Phòng giao dịch N, tỉnh Nghệ An số tiền gốc 1.000.000.000 đ với thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 9%năm. Do làm ăn thua lỗ không trả đầy đủ nợ cho ngân hàng theo qui định trong hợp đồng tín dụng, nên vợ chồng ông vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng Ông H thừa nhận đang nợ ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000 đ, lãi suất trong hạn 14.301.370 đồng và lãi quá hạn. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng có nghĩa vụ thanh toán thì vợ chồng ông H đồng ý, nhưng khoản nợ gốc, nợ lãi còn dư nợ sẽ được trừ vào thửa đất đã thế chấp cho ngân hàng, vợ chồng ông không nhất trí trả nợ tiếp theo nếu như sau khi phát mại thửa đất đã thế chấp ít hơn số nợ vợ chồng Ông H đang nợ.

Quá trình xem xét thẩm định tại chổ đối với thửa đất mà Ông H, Bà T thể chấp để đảm bảo cho khoản vay thấy rằng hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi, trên thửa đất không có tài sản gì, số đo các cạnh của thửa đất đúng với các cạnh của thửa đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DC785648, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An, diện tích sử dụng là 454,3m^2 được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/6/2021.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau**:**

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ đúng qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại Điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS.Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định tại điều 70;71; 72; 73 75; 76; 85; 86 và Điều 234 của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 4, Điều 306 của Luật thương mại; Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 156, Điều 157 và khoản Điều 244 của BLTTDS; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288; 317; 463, 466, 468 BLDS 2015. Khoản 2 điều 91, 95 Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị xử: Buộc Vợ chồng ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L tổng số tiền 1.066.452.055 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 14.301.370 đồng, lãi quá hạn là 52.150.685 đồng. Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán lãi suất quá hạn tiếp theo tính từ ngày 15/4/2023 cho đến lúc thanh toán đầy đủ nợ.

Chấp nhận việc rút một phần khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện L về việc buộc ông T, bà H thanh toán tiền lãi chậm trả lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc Ông H, Bà T thanh toán tiền lãi chậm trả lãi số tiền 556.382 đồng.

Xử lý tài sản thế chấp: Tuyên bố Ngân hàngTMCP L có yêu yêu cầu Chi cục thi hành dân sự phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng nếu như Ông H, Bà T không trả đầy đủ nợ. Buộc vợ chồng Ông H, Bà T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ còn lại nếu như tài sản phát mại tài sản thế chấp không đủ cho việc thanh toán nợ.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Nguyên đơn nộp 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ.Quá trình xem xét thẩm định tại chổ đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ giao số tiền trên cho nguyên đơn.

-Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Buộc Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn và bị đơn Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, Ông H, Bà T đã tham gia mở phiên họp, hòa giải, nhưng không thành, nên phải đưa vụ án ra xét xử để giải quyết tranh chấp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Bưu Điện L và đề nghị xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay đối với ông Nguyễn Trọng H và Bà Đặng Thị T là có căn cứ. Việc vay nợ, thế chấp bất động sản để đảm bảo khoản vay được chứng minh tại Hợp đồng tín dụng số: HĐTD24D2022103 ngày 19/5/2022, với thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 25/3/2022 đến ngày 23/11/2022; Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC 24D2022104 ngày 19/5/2022 được hai bên ký kết tại Văn phòng công chứng Lang Văn T; Địa chỉ: khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 454, 3m^2 được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DC785648 ngày 14/6/2021 mang tên ông Phạm Văn H, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1980; Đều cư trú tại: xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng H theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1466 ngày 07/4/2022.

Thời hạn vay khoản tiền gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là 06 tháng theo khế ước nhận nợ là kể từ ngày nhận tiền ngày 23/5/2022, thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay là ngày 23/11/2022. Theo qui định tại hợp đồng tín dụng thì vợ ông Ông H, Bà T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, tiền lãi vào ngày 23/11/2022. Trong thời gian này Ông H, Bà T đã thanh toán được 126 ngày lãi suất trong hạn tính từ ngày 23/5/2022 đến ngày 26/9/20022 cụ thể:1.000.000.00 đ x 9% : 365 ngày x 126 ngày = 31.068.493 đ, lãi suất trong hạn Ông H Bà T đang nợ 58 ngày, được tính từ ngày 26/09/2022 đến ngày 23/11/2022. (1.000.000.000 đ x 9% : 365 ngày x 58 ngày) = 14.301.370 đ. Tính từ ngày 24/11/2022 thì khoản nợ gốc chưa thanh toán sẽ chuyển sang lãi quá hạn là 150%. Lãi suất quá hạn tính từ ngày 24/11/2022 đến 14/4/2023 đến ngày xét xử là 141 ngày (1.000.000.000 đ x 13,5 % x 141 ngày : 365 ngày) = 52.150.685 đồng. Việc thanh toán tiền lãi suất trong hạn và dư nợ, lãi suất quá hạn của vợ chồng Ông H, Bà T được chứng minh tại bản sao kê, thông báo yêu cầu trả nợ được ngân hàng cung được lưu tại hồ sơ vụ án và được Ông H, Bà T thừa nhận được ghi trong bản tự khai , ý kiến trong biên bản hòa giải. Nay Ngân hàng TMCP Bưu Điện L yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L tổng số tiền 1.066.452.055 đồng. Trong đó

gồm 1.000.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 14.301.370 đồng, tiền lãi quá hạn là 52.150.685 đồng là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình khởi kiện, hòa giải nguyên đơn yêu buộc ông H, bà T thanh toán tiền lãi chậm trả lãi. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ phần khởi kiện của nguyên đơn yêu buộc ông H, bà T thanh toán tiền lãi chậm trả lãi số tiền 556.382 đồng.

Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện L và vợ chồng Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC 24D2022104 ngày 19/5/2022 thuộc quyền sử dụng của Ông H, Bà T để bảo đảm cho khoản vay là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 454, 3m^2 đã được Sở tại nguyên môi trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DC785648 ngày 14/6/2021 mang tên ông Phạm Văn H, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1980; Đều cư trú tại: xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978 và Đặng Thị T theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1466 ngày 07/4/2022 được ghi tại mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy Quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng Ông H, Bà T được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi Ông H, Bà T không thanh toán được nợ cho ngân hàng.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Nguyên đơn nộp 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ. Quá trình xem xét thẩm định tại chổ đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nghĩa vụ này thuộc trách nhiệm của bị đơn, nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ giao số tiền trên cho nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Trọng H và Bà Đặng Thị T phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 4, Điều 306 của Luật thương mại; Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 156, Điều 157 và khoản Điều 244 của BLTTDS; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288; 317; 463, 466, 468 BLDS 2015. Khoản 2 điều 91, 95 Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Xử: Buộc Ông Nguyễn Trọng H và Bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L tổng số tiền 1.066.452.055 đồng (Bằng chữ: Một tỷ , không trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không

trăm năm mươi lăm đồng), trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 14.301.370 đồng , lãi quá hạn là 52.150.685 đồng.

Kể từ ngày 15/4/2023 Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: HĐTD24D2022103 ngày 19/5/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện L và Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông H, Bà T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Bưu Điện L làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T không trả hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Li có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, phát mại tài sản do Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 454, 3m^2 được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DC785648 ngày 14/6/2021 mang tên ông Phạm Văn H, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1980; Đều cư trú tại: xóm 8 , xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Trọng H theo Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1466 ngày 07/4/2022. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị buộc Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T thanh phải có toán tiền lãi chậm trả lãi số tiền 556.382 đồng.

Buộc: Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Bưu Điện L tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ số tiền là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Ông Nguyễn Trọng H, Bà Đặng Thị T phải liên đới nộp 43.993.560đ (Bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn tám, năm trăm sáu mươi đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 21.629.000đ(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000653 ngày 21/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.